

Số tham chiếu: 60780870/15169013

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Thành viên góp vốn của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Quỹ BVF1" hoặc "Quỹ") được trình bày từ trang 5 đến trang 34 bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản và báo cáo danh mục đầu tư vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt với tư cách là Công ty Quản lý của Quỹ và được kiểm tra bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) với tư cách là Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở Ý kiến Kiểm toán***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

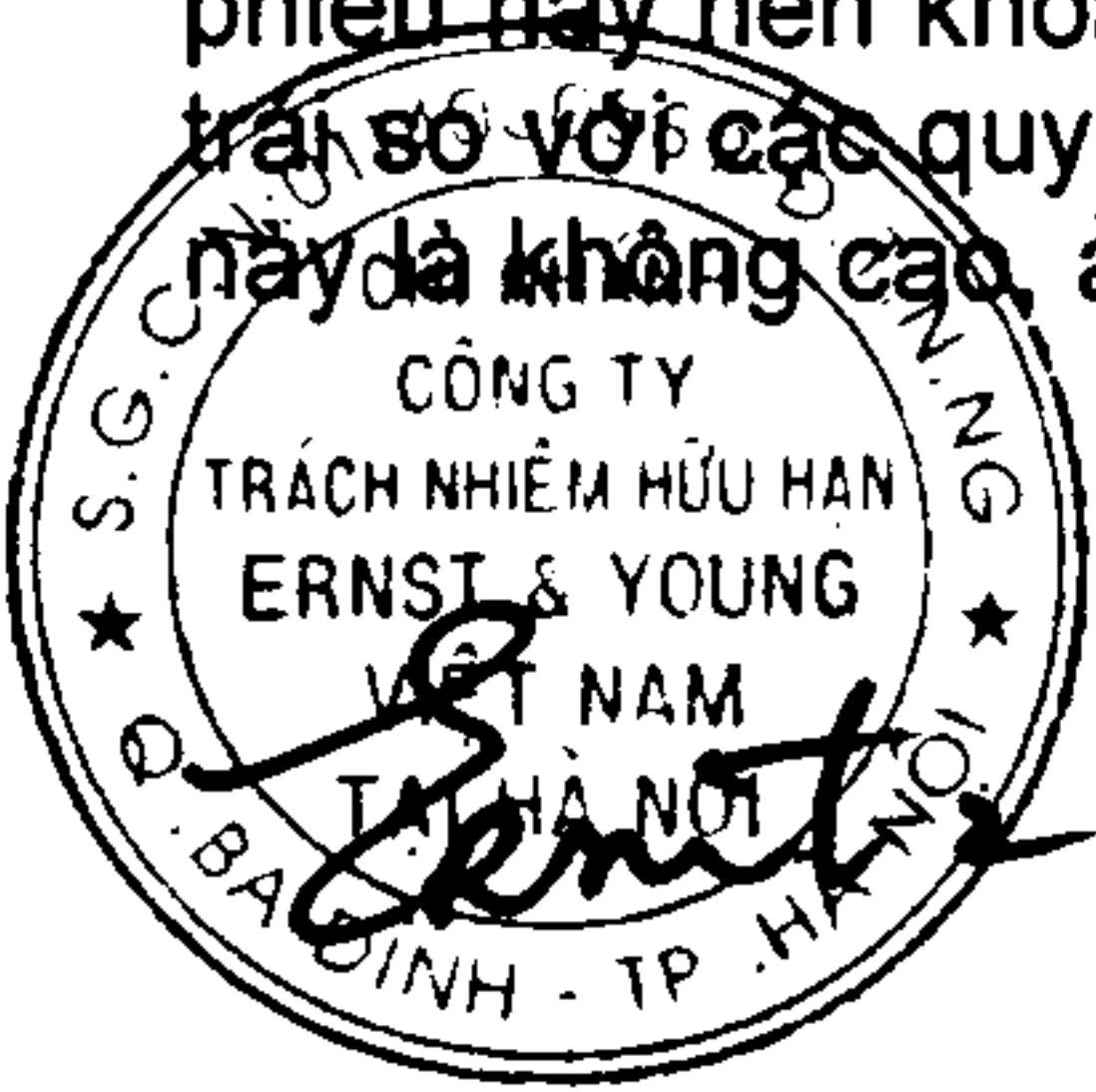
### ***Ý kiến Kiểm toán***

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ BVF1 vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán được quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2005 và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 05 tháng 06 năm 2007 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

**Ý kiến Kiểm toán (tiếp theo)**

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý các thành viên góp vốn vấn đề sau:

Theo Công văn chấp thuận số 17/UBCK-QLQ ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban chứng khoán về việc chấp thuận phương án giải thể Quý, các tài sản và công nợ của Quý được dựa theo cơ sở chấm dứt hoạt động như được trình bày tại thuyết minh 3.1. Tuy nhiên, chúng tôi xin nhấn mạnh trong danh mục tài sản tài chính của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm trái phiếu Vinashin có thời gian đáo hạn trong năm 2017. Do thiếu các thông tin đáng tin cậy có sẵn trên thị trường và thiếu các thông tin có thể ứng dụng để xây dựng các mô hình định giá phù hợp để đánh giá giá trị thu hồi của khoản trái phiếu này nên khoản trái phiếu này được phản ánh theo giá gốc. Mặc dù chính sách kế toán này không trái so với các quy định hiện hành, theo đánh giá của chúng tôi, khả năng thu hồi đầy đủ của trái phiếu này là không cao, ảnh hưởng đến giá trị thực hiện của trái phiếu sau này.



*Ernst & Young Vietnam W.*

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

*Võ Tấn Hoàng Văn*

Võ Tấn Hoàng Văn  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0264/KTV

*Lê Đức Linh*

Lê Đức Linh  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1672/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
	<b>A. TÀI SẢN</b>			
110	1. Tiền gửi ngân hàng	4.1	7.874.010.367	429.969.532
120	2. Đầu tư chứng khoán	4.2	266.873.479.142	322.455.649.192
128	3. Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	4.2	489.850.600.000	350.850.600.000
130	4. Phải thu từ hoạt động đầu tư	4.3	27.551.988.088	12.450.250.934
<b>200</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>792.150.077.597</b>	<b>686.186.469.658</b>
	<b>B. NGUỒN VỐN</b>			
<b>300</b>	<b>I. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.497.226.116</b>	<b>1.435.102.131</b>
311	1. Phải trả hoạt động đầu tư	4.4	-	-
314	2. Phải trả phụ cấp Ban đại diện quỹ		147.000.000	147.000.000
315	3. Phải trả Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	4.5	719.026.116	629.402.131
318	4. Phải trả khác	4.6	631.200.000	658.700.000
<b>400</b>	<b>II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>790.652.851.481</b>	<b>684.751.367.527</b>
410	1. Vốn góp của thành viên	4.7	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
420	2. Lỗ lũy kế thực hiện chưa phân phối		(36.676.038.331)	(35.874.216.258)
421	3. Lỗ lũy kế chưa thực hiện chưa phân phối		(172.671.110.188)	(279.374.416.215)
<b>430</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>792.150.077.597</b>	<b>686.186.469.658</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Chứng khoán theo mệnh giá (VNĐ)	218.233.520.000	248.124.440.000

Công ty Quản lý của Quỹ

Ngân hàng Giám sát của Quỹ

Công ty TNHH Quản lý Quỹ  
Bảo Việt

Công ty TNHH Quản lý Quỹ  
Bảo Việt

Ngân hàng TNHH một thành  
viên HSBC (Việt Nam)




Ông Nguyễn Quang Tuấn  
Kế toán Trưởng

Ông Bùi Tuấn Trung  
Tổng Giám đốc




Vinith Rao  
Giám đốc Nghiệp Vụ Chứng Khoán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2013



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
	<b>A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN</b>			
10	<b>I. Thu nhập/(lỗ) thuần từ hoạt động đầu tư đã thực hiện</b>		<b>11.992.929.387</b>	<b>(76.194.364.619)</b>
11	1. Cổ tức được nhận		18.783.292.700	18.828.375.600
12	2. Lãi trái phiếu được nhận		14.202.739	11.616.277.836
13	3. Lãi tiền gửi		60.410.007.344	25.652.335.581
14	4. Lỗ mua bán chứng khoán	4.8	(67.214.573.396)	(132.291.353.636)
30	<b>II. Chi phí</b>		<b>(12.794.751.460)</b>	<b>(11.574.349.446)</b>
31	1. Phí quản lý Quỹ		(7.670.199.297)	(8.603.591.434)
32	2. Phí giám sát, lưu ký tài sản Quỹ		(839.342.451)	(811.253.308)
33	3. Phí họp, đại hội		(164.950.000)	(99.283.000)
34	4. Phí kiểm toán		(137.500.000)	(165.000.000)
38	5. Phí và chi phí khác	4.9	(3.982.759.712)	(1.895.221.704)
50	<b>III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong năm</b>		<b>(801.822.073)</b>	<b>(87.768.714.065)</b>
	<b>B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHƯA THỰC HIỆN</b>			
60	<b>I. Thu nhập</b>		<b>159.640.148.723</b>	<b>79.098.912.424</b>
61	1. Thu nhập từ đánh giá lại các khoản đầu tư		159.640.148.723	79.098.912.424
70	<b>II. Chi phí</b>		<b>(52.936.842.696)</b>	<b>(203.101.542.307)</b>
71	1. Lỗ từ đánh giá lại các khoản đầu tư		(52.936.842.696)	(203.101.542.307)
80	<b>III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện trong năm</b>		<b>106.703.306.027</b>	<b>(124.002.629.883)</b>
90	<b>LÃI/(LỖ) TRONG NĂM</b>		<b>105.901.483.954</b>	<b>(211.771.343.948)</b>

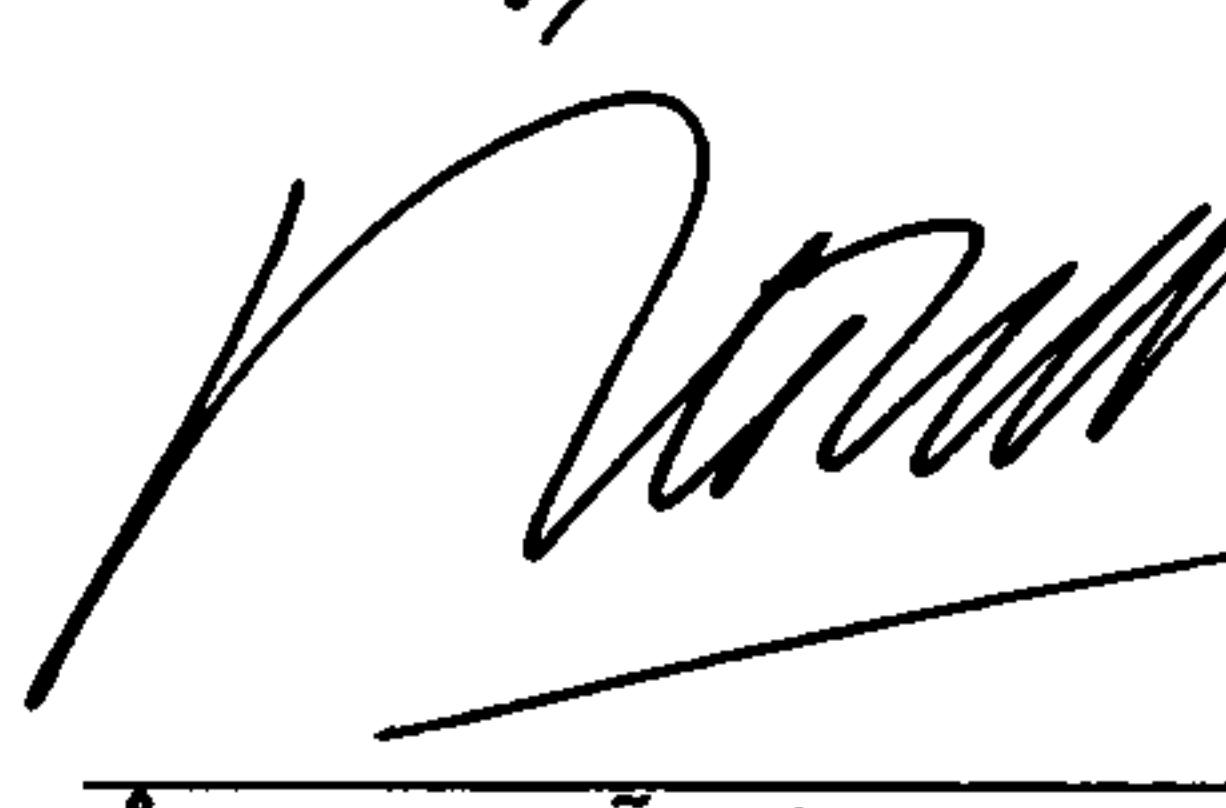
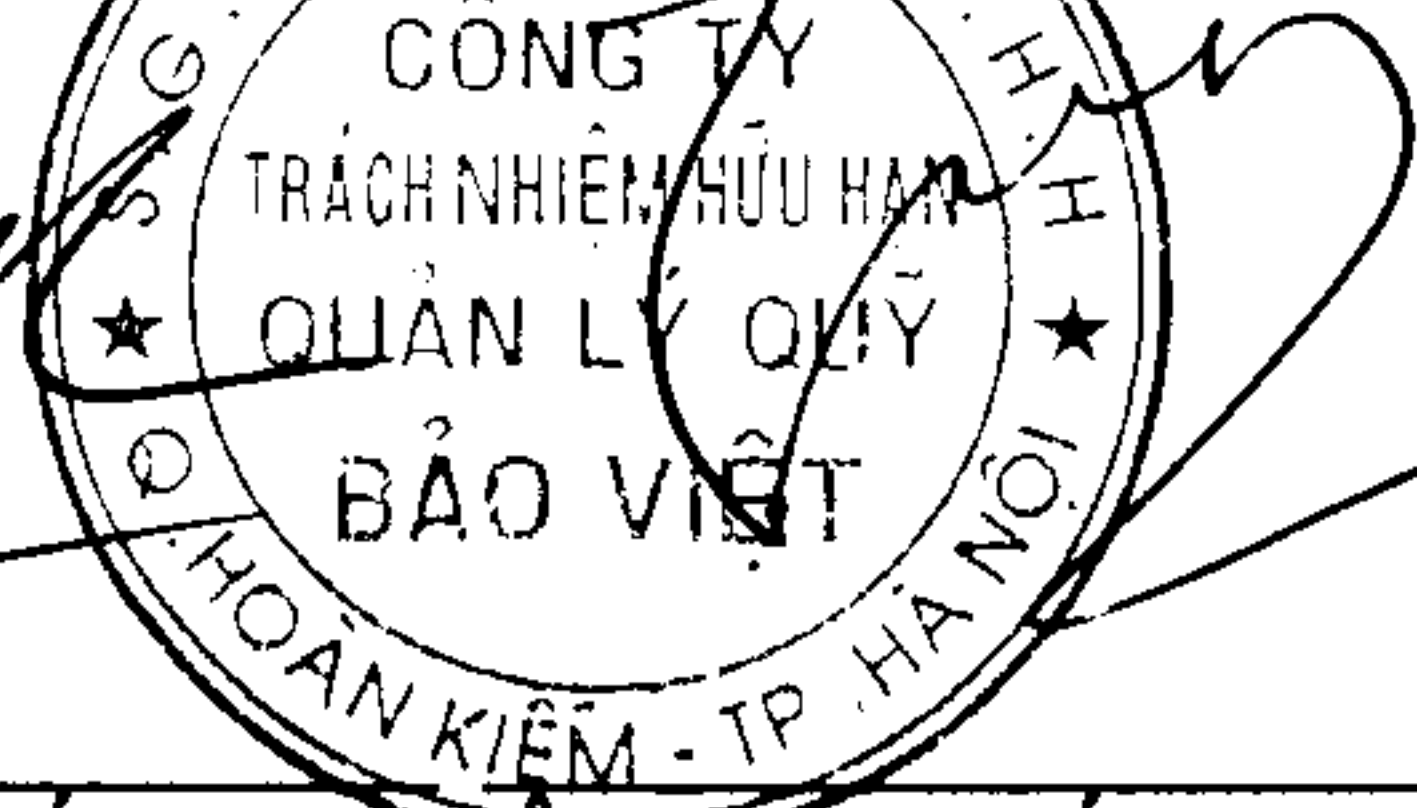
**Công ty Quản lý của Quỹ**

**Ngân hàng Giám sát của Quỹ**

Công ty TNHH Quản lý Quỹ  
Bảo Việt

Công ty TNHH Quản lý Quỹ  
Bảo Việt

Ngân hàng TNHH một thành viên  
HSBC (Việt Nam)

Ông Nguyễn Quang Tuấn  
Kế toán Trưởng

Ông Bùi Tuấn Trung  
Tổng Giám đốc




Vinith Rao  
Giám đốc Nghiệp vụ Chứng Khoán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO TÀI SẢN  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
1	Tiền gửi ngân hàng	4.1	7.874.010.367	429.969.532
2	Các khoản đầu tư	4.2	756.724.079.142	673.306.249.192
2.1	Trái phiếu		55.391.082.192	55.391.082.192
2.2	Cổ phiếu		210.104.579.600	267.064.567.000
2.2.1	Cổ phiếu niêm yết		205.364.579.600	262.324.567.000
2.2.2	Cổ phiếu chưa niêm yết		4.740.000.000	4.740.000.000
2.3	Tiền gửi có kỳ hạn		489.850.600.000	350.850.600.000
2.4	Các loại chứng khoán khác		1.377.817.350	-
3	Phải thu từ hoạt động đầu tư	4.3	27.551.988.088	12.450.250.934
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>792.150.077.597</b>	<b>686.186.469.658</b>
4	Phải trả hoạt động đầu tư	4.4	-	-
5	Phải trả phụ cấp ban đại diện Quỹ		(147.000.000)	(147.000.000)
6	Phải trả Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	4.5	(719.026.116)	(629.402.131)
7	Phải trả khác	4.6	(631.200.000)	(658.700.000)
	<b>TỔNG NỢ (không bao gồm phí thường hoạt động, thuế thu nhập doanh nghiệp, phải trả thu nhập cho nhà đầu tư)</b>		<b>(1.497.226.116)</b>	<b>(1.435.102.131)</b>
	<b>TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ</b>		<b>790.652.851.481</b>	<b>684.751.367.527</b>
8	Tổng số đơn vị quỹ		100.000.000	100.000.000
9	Giá trị của một đơn vị quỹ		7.907	6.848

**Công ty Quản lý của Quỹ**

**Ngân hàng Giám sát của Quỹ**

Công ty TNHH Quản lý Quỹ  
Bảo Việt

Công ty TNHH Quản lý Quỹ  
Bảo Việt

Ngân hàng TNHH một thành viên  
HSBC (Việt Nam)




Ông Nguyễn Quang Tuấn  
Kế toán Trưởng

Ông Bùi Tuấn Trung  
Tổng Giám đốc



Vinith Rao  
Giám đốc Nghiệp Vụ Chứng Khoán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2013



**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm		684.751.367.527	896.522.711.475
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm <i>Trong đó:</i>		105.901.483.954	(211.771.343.948)
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động đầu tư của Quỹ trong năm		105.901.483.954	(211.771.343.948)
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập và thưởng hoạt động		-	-
III	Giá trị tài sản ròng cuối năm		790.652.851.481	684.751.367.527


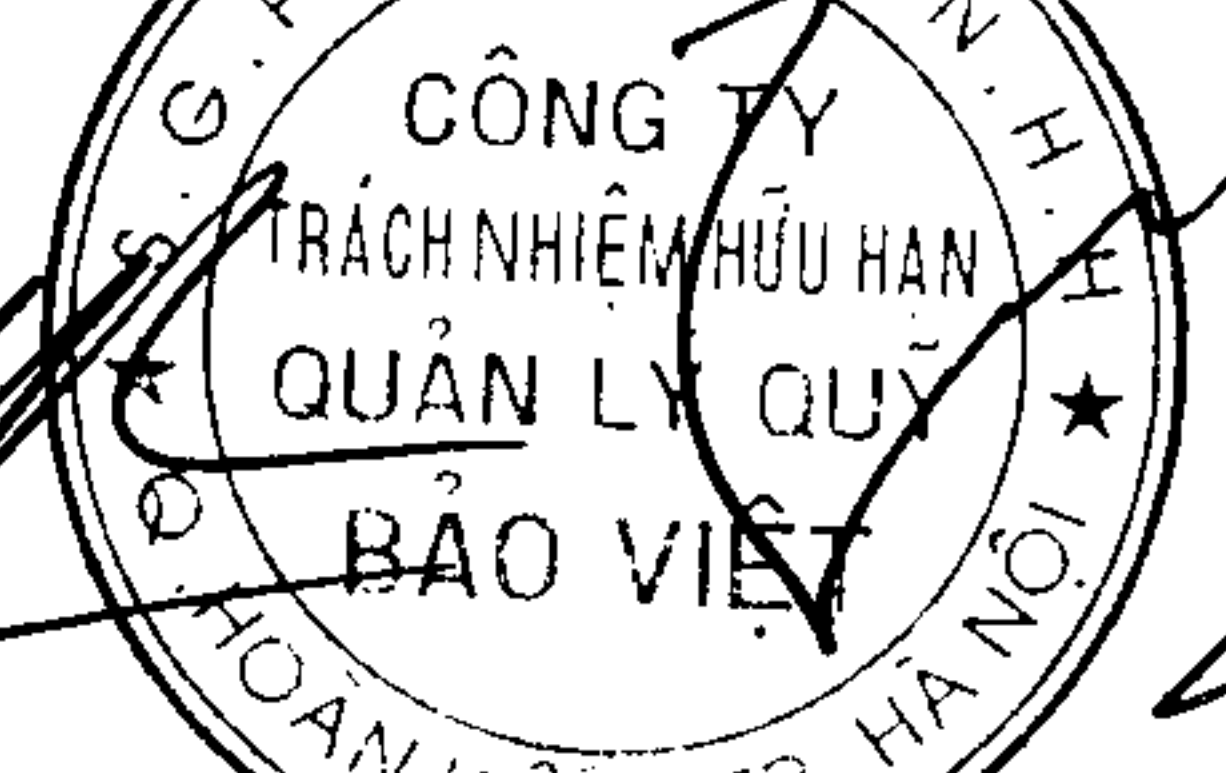
**Công ty Quản lý của Quỹ**

**Ngân hàng Giám sát của Quỹ**

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

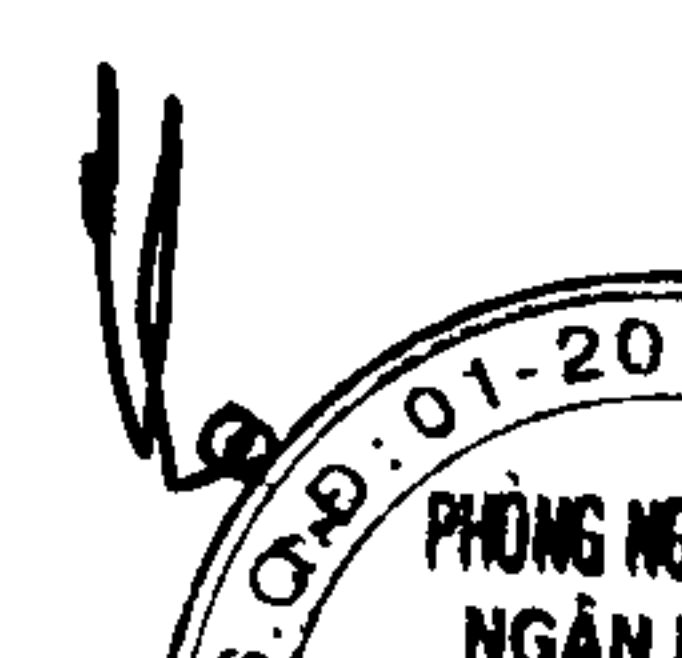
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Ông Nguyễn Quang Tuấn  
Kế toán Trưởng



Ông Bùi Tuấn Trung  
Tổng Giám đốc



Vinith Rao  
Giám đốc Nghiệp vụ



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Loại	Số lượng	Đơn giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	Tổng giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ tổng giá trị tài sản của Quỹ
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
1	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	345.920	54.000	18.679.680.000	2,36%
2	Công ty Cổ phần xây dựng số 1	376.100	16.900	6.356.090.000	0,80%
3	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.028.920	11.200	11.523.904.000	1,45%
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành	3.013.713	5.200	15.671.307.600	1,98%
5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	102.500	10.800	1.107.000.000	0,14%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	630.072	12.500	7.875.900.000	0,99%
7	Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.725.000	13.700	23.632.500.000	2,98%
8	Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	2.253.120	2.300	5.182.176.000	0,65%
9	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	646.380	19.000	12.281.220.000	1,55%
10	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	3.142.415	12.500	39.280.187.500	4,96%
11	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	250.000	44.500	11.125.000.000	1,40%
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	588.177	18.500	10.881.274.500	1,37%
13	Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf Việt Nam	1.140.860	5.500	6.274.730.000	0,79%
14	Công ty Cổ phần FPT	925.675	35.200	32.583.760.000	4,11%
15	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai	510.500	5.700	2.909.850.000	0,37%
	<b>Tổng cộng cổ phiếu niêm yết</b>	<b>16.679.352</b>		<b>205.364.579.600</b>	<b>25,90%</b>
<b>II</b>	<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	144.000	32.917	4.740.000.000	0,60%
	<b>Tổng cộng cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>144.000</b>		<b>4.740.000.000</b>	<b>0,60%</b>
<b>III</b>	<b>Trái phiếu</b>				
1	Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	500.000	110.782	55.391.082.192	6,99%
	<b>Tổng cộng trái phiếu</b>	<b>500.000</b>		<b>55.391.082.192</b>	<b>6,99%</b>
	<b>Tổng cộng giá trị chứng khoán đầu tư (I + II + III)</b>			<b>265.495.661.792</b>	<b>33,49%</b>



15/12/2012

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Loại	Số lượng	Đơn giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	Tổng giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ tổng giá trị tài sản của Quỹ
<b>IV</b>	<b>Các loại chứng khoán khác</b>				
1	Quyền mua cổ phiếu MBB	3.142.415	90	282.817.350	0,04%
2	Quyền mua cổ phiếu PVS	1.500.000	730	1.095.000.000	0,14%
	<b>Tổng cộng các loại chứng khoán khác</b>	<b>4.642.415</b>		<b>1.377.817.350</b>	<b>0,18%</b>
<b>V</b>	<b>Các tài sản khác</b>				
1	Phải thu từ hoạt động đầu tư			27.551.988.088	3,48%
2	Đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn			489.850.600.000	61,84%
	<b>Tổng cộng các tài sản khác</b>			<b>517.402.588.088</b>	<b>65,32%</b>
<b>VI</b>	<b>Tiền</b>				
1	Tiền gửi ngân hàng			7.874.010.367	0,99%
	<b>Tổng cộng tiền</b>			<b>7.874.010.367</b>	<b>0,99%</b>
<b>VII</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>792.150.077.597</b>	<b>100%</b>


**Công ty Quản lý của Quỹ**


**Ngân hàng Giám sát của Quỹ**

Công ty TNHH Quản lý Quỹ  
Bảo Việt

Công ty TNHH Quản lý Quỹ  
Bảo Việt

Ngân hàng TNHH một thành viên  
HSBC (Việt Nam)

  
Ông Nguyễn Quang Tuấn  
Kế toán Trưởng

  
Ông Bùi Tuấn Trung  
Tổng Giám đốc

  
Vinith Rao  
Giám đốc Nghiệp vụ Chứng khoán



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2013



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo giấy phép số 05/UBCK-TLQTV do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 07 năm 2006. Thời gian hoạt động ban đầu của Quỹ là 5 năm kể từ ngày được cấp giấy phép. Vào ngày 27 tháng 07 năm 2011, BVF1 nhận được thông báo chính thức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận gia hạn thời gian hoạt động của Quỹ đến ngày 19 tháng 07 năm 2014. Quỹ có vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 50.000.000 (năm mươi triệu) đơn vị quỹ cho thành viên với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/ đơn vị quỹ và sau đó được tăng vốn theo các Công văn điều chỉnh sau:

<u>Công văn điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
83/UBCK-QLKD chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 800 tỷ đồng Việt Nam	14 tháng 02 năm 2007
98/TB-UBCK chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng Việt Nam	04 tháng 03 năm 2008

Quỹ BVF1 được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("Công ty Quản lý của Quỹ"), một công ty con của Tập đoàn Bảo Việt. Ngân hàng giám sát của Quỹ BVF1 là Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng Giám sát của Quỹ").

Mục tiêu đầu tư của Quỹ BVF1 là tìm kiếm và đầu tư chứng khoán cũng như đầu tư vào các tài sản khác có khả năng đem lại lợi nhuận cao nhất nhưng đồng thời vẫn giảm thiểu rủi ro bằng cách duy trì danh mục đầu tư cân đối và đa dạng, qua đó đem lại mức lợi nhuận cao cho các nhà đầu tư. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ BVF1 nhằm đến trong quá trình đầu tư là làm tăng giá trị các khoản đầu tư thông qua việc giúp các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh.

**THÔNG TIN VỀ VIỆC GIẢI THỂ QUỸ**

Vào ngày 18 tháng 10 năm 2012, Đại hội thành viên đã thông qua phương án giải thể Quỹ và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") chấp thuận bằng công văn số 17/UBCK/QLQ ngày 09 tháng 01 năm 2013. Theo đó, Công ty Quản lý Quỹ đã tiến hành giải thể Quỹ theo phương án thanh lý tài sản và thực hiện chi trả đã được Đại hội thành viên thông qua như sau:

- (i) Phương án thanh lý tài sản:
  - ▶ Các tài sản là tiền mặt và tiền gửi ngân hàng: tiếp tục duy trì các hợp đồng tiền gửi đến khi kết thúc kỳ hạn của tất cả các hợp đồng tiền gửi hiện có.
  - ▶ Các tài sản là cổ phiếu niêm yết: Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt chọn thời điểm thích hợp để thanh toán số cổ phiếu có trong danh mục trong thời hạn giải thể Quỹ theo phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận trên sổ giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và sổ giao dịch chứng khoán Hà Nội.
  - ▶ Các tài sản là cổ phiếu chưa niêm yết: Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt tìm đối tác thanh toán bằng hình thức thỏa thuận trong thời gian giải thể Quỹ.
  - ▶ Các tài sản là trái phiếu: Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt tìm đối tác thanh toán bằng hình thức thỏa thuận trong thời gian giải thể Quỹ.
  - ▶ Các tài sản khác: thực hiện thanh toán theo đúng quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**THÔNG TIN VỀ VIỆC GIẢI THỂ QUỸ (tiếp theo)**

(ii) Thực hiện chi trả:

- ▶ Tất cả các dòng tiền về sau khi cân đối để thanh toán các nghĩa vụ nợ của Quỹ BVF1 (theo quy định hiện hành) sẽ được thực hiện chuyển tiền về cho nhà đầu tư của Quỹ BVF1 theo tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- ▶ Số lượng chứng chỉ quỹ giảm sẽ được xác định theo giá trị tài sản ròng của kỳ định giá liền trước các lần chuyển trả vốn cho nhà đầu tư.
- ▶ BVF thực hiện chuyển trả tất cả các khoản tiền thu được từ các hợp đồng tiền gửi; tiền thu được từ thanh toán cổ phiếu, trái phiếu; tiền thu được từ cổ tức, trái tức bằng tiền mặt và tất cả các khoản tiền phát sinh khác (nếu có) ngay sau khi nhận được các khoản tiền nói trên.

(iii) Nguyên tắc hoạt động của Quỹ trong thời gian giải thể:

- ▶ Trong thời gian giải thể Quỹ, Quỹ không thực hiện đầu tư mới cổ phiếu, trái phiếu bao gồm cả quyền mua đối với cổ phiếu, trái phiếu chưa được thanh toán. Đối với quyền mua cổ phiếu, trái phiếu (nếu có phát sinh trong quá trình giải thể), thực hiện bán quyền để tối đa hóa lợi ích của các nhà đầu tư (nếu có thể).
- ▶ Trong trường hợp hết thời hạn giải thể của Quỹ (ngày 19 tháng 07 năm 2014), các tài sản chưa thanh toán được sẽ chuyển quyền sở hữu cho các nhà đầu tư theo tỷ lệ vốn góp hoặc giao cho Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt tiếp tục theo dõi. Việc lựa chọn phương án cụ thể cho từng loại tài sản chưa thanh toán sẽ do Đại hội thành viên quyết định.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

Các báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") và được lập theo Chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2005 và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 05 tháng 06 năm 2007 của Bộ Tài chính ban hành, theo các chính sách kế toán dựa trên cơ sở chấm dứt hoạt động như được trình bày ở Thuyết minh số 3.1 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

Theo các quyết định này, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tài sản, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, báo cáo danh mục đầu tư và thuyết minh báo cáo tài chính và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các chính sách, thủ tục và thông lệ kế toán của quỹ và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**Niên độ kế toán**

Theo quyết định giải thể Quỹ trình bày ở Thuyết minh số 1, niên độ kế toán cuối cùng của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Quỹ BVF1 thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

**Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại Quỹ BVF1 là Nhật ký chung.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Các chính sách kế toán dựa trên cơ sở chấm dứt hoạt động**

Căn cứ vào Nghị quyết số 02.2012/BVF1-NQĐH của Đại hội thành viên ngày 18 tháng 10 năm 2012 về phương án giải thể Quỹ và Công văn chấp thuận của UBCK số 17/UBCK-QLQ ngày 09 tháng 01 năm 2013, Công ty Quản lý Quỹ đã áp dụng các chính sách kế toán dựa trên cơ sở chấm dứt hoạt động để trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Theo các chính sách kế toán trên cơ sở chấm dứt hoạt động, tài sản được trình bày theo giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính và nợ phải trả được trình bày theo giá trị thanh lý ước tính, trong đó các số liệu ước tính sẽ được xem xét và điều chỉnh định kỳ khi phù hợp. Việc định giá tài sản theo giá trị thuần có thể thực hiện được và nợ phải trả theo giá trị thanh lý dự kiến được đề cập tại các giả định về giá được trình bày dưới đây.

Giá trị thực hiện được và nợ phải trả theo giá trị thanh lý phát sinh thực tế liên quan đến việc tiến hành kế hoạch thanh lý có thể khác với số liệu ước tính được trình bày trong các báo cáo tài chính này do tính không chắc chắn vốn có và có thể cao hơn hoặc thấp hơn các số liệu được ghi nhận trong báo cáo tài chính này. Các chênh lệch này có thể mang tính trọng yếu.

Cụ thể là, các số liệu ước tính của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian thanh lý của Quỹ. Việc ước tính nợ phải trả thuần khi thanh lý trên báo cáo tài chính không kết hợp với việc chiết khấu về giá trị hiện tại. Ngoài ra, do đối với một số tài sản chưa niêm yết hoặc kém thanh khoản, giá trị thu hồi được thực tế có thể rất khác so với giá trị ước tính do các thông tin đầu vào để đưa vào ước tính không đầy đủ hoặc không có độ tin cậy cao. Vì vậy, không thể dự tính chắc chắn tổng giá trị thực hiện các khoản phân chia tài sản hoặc công nợ cho nhà đầu tư trong tương lai.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.1 Các chính sách kế toán dựa trên cơ sở chấm dứt hoạt động (tiếp theo)**

*Giả định về giá*

Trong trường hợp giá trị của một khoản mục tài sản hoặc công nợ đã có thể xác định được cụ thể dựa trên các thông tin về các giao dịch thanh toán tài sản, công nợ đó đã thực hiện từ ngày khóa sổ báo cáo tài chính đến ngày lập báo cáo tài chính này thì giá trị thuần đã thực hiện và công nợ thuần đã thanh toán sẽ là giá trị được phản ánh trên bảng cân đối kế toán.

Dưới đây là các giả định chủ yếu được Ban Giám đốc sử dụng khi đánh giá giá trị tài sản thuần có thể thực hiện được và giá trị thanh toán nợ phải trả ước tính được phản ánh trong bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 trong trường hợp không có giao dịch từ ngày khóa sổ báo cáo tài chính đến ngày lập báo cáo tài chính:

- ▶ Tiền được thể hiện theo mệnh giá.
- ▶ Các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 28 tháng 12 năm 2012 (là ngày giao dịch cuối cùng trong năm 2012) đối với các cổ phiếu đã niêm yết và theo giá bình quân lấy từ ba (03) công ty chứng khoán uy tín trên thị trường tại ngày 28 tháng 12 năm 2012 đối với các cổ phiếu chưa niêm yết.
- ▶ Giá trị thực hiện ước tính của trái phiếu chưa/không niêm yết được xác định như sau:
  - i. Giá của trái phiếu chưa/không niêm yết được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch bình quân trong tháng 12 cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán thường xuyên đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Trong trường hợp một (01) trong số ba (03) công ty chứng khoán được duyệt không cung cấp được giá, giá của công ty chứng khoán dự phòng sẽ được sử dụng để thay thế;
  - ii. Trong trường hợp đã sử dụng cả Công ty chứng khoán dự phòng nhưng vẫn không đáp ứng đủ ba (03) công ty chứng khoán cung cấp báo giá, trái phiếu sẽ được định giá theo thứ tự ưu tiên dưới đây:
    - Giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch bình quân trong kỳ của hai (02) công ty chứng khoán trong danh sách các công ty đã được lựa chọn;
    - Nguyên tắc định giá khác do Công ty Quản lý Quỹ đề nghị và Ban Đại diện Quỹ phê duyệt với sự thống nhất của Ngân hàng giám sát;
    - Giá vốn đầu tư (cost price).
- ▶ Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, lãi tiền gửi ngân hàng. Lãi phải thu trái phiếu là lãi trái tức sau đi trừ đi dự phòng phải thu.
- ▶ Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.
- ▶ Các chi phí liên quan đến quá trình giải thể Quỹ được ghi nhận là chi phí khác trong báo cáo kết quả hoạt động.
- ▶ Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, giá trị quyền mua cổ phiếu được đánh giá lại theo giá trị thị trường và được xác định bằng phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đó và số tiền sẽ thực trả để thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện chuyển đổi.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Đầu tư**

*Phân loại*

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

*Ghi nhận*

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư mua bán chứng khoán vào ngày Quỹ thực hiện các giao dịch này.

*Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

**3.3 Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị đơn vị quỹ**

Giá trị tài sản ròng (NAV) là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ BVF1 sở hữu (bao gồm giá trị tài sản của các khoản đầu tư, cổ tức, trái tức, lãi gửi ngân hàng và số dư tiền mặt chưa đầu tư của Quỹ và các tài sản khác tính đến thời điểm định giá) trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn các loại phí như phí quản lý, phí giám sát, phí ngân hàng, phụ cấp Ban Đại diện, phí kiểm toán) tại thời điểm định giá.

Giá trị đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ trên bảng cân đối kế toán cho số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

**3.4 Các giao dịch về vốn**

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn và được trình bày trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Các chi phí giao dịch liên quan đến hoạt động của Quỹ phát sinh trong kỳ (chi phí hội họp, in ấn tài liệu, v.v.) được Công ty Quản lý Quỹ chi hộ. Hàng kỳ, Công ty Quản lý Quỹ tập hợp chi phí phát sinh đề nghị Quỹ BVF1 chuyển trả số chi hộ phát sinh trong kỳ.

**3.5 Các khoản chi phí**

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ các chi phí phát sinh từ việc đầu tư được hạch toán vào giá mua các khoản đầu tư đó. Các khoản chi phí phát sinh từ việc bán các khoản đầu tư được trừ vào lãi lỗ phát sinh từ việc bán các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích có tính đến lãi đầu tư thực tế của tài sản trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quý với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quý mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo dõi ngoại bảng.

##### *Lãi từ kinh doanh chứng khoán*

Lãi từ kinh doanh chứng khoán được xác định bằng phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán. Giá vốn của chứng khoán được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### 3.7 Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá thị trường vào ngày báo cáo.

#### 3.8 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quý không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi Quý trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Quý cần giữ lại 25% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật) theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành.

Theo Công văn số 7280/CT-TTHT ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Quản lý Quý có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân và thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên tổng số vốn hoàn trả cho Nhà đầu tư là cá nhân trong nước, nước ngoài và Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài.

#### 3.9 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho quỹ đầu tư chứng khoán được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

#### 3.10 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG**

**4.1 Tiền gửi ngân hàng**

Tiền gửi ngân hàng là tiền gửi không kỳ hạn bằng đồng Việt Nam vào thời điểm cuối năm tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

**4.2 Đầu tư chứng khoán và tiền gửi có kỳ hạn**

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

	Giá mua VNĐ	Thay đổi giá trị thị trường		Giá trị hợp lý vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
		Lãi do đánh giá lại VNĐ	Lỗ do đánh giá lại VNĐ	
1. Cổ phiếu niêm yết	379.413.507.138	1.139.358.067	(175.188.285.605)	205.364.579.600
2. Cổ phiếu chưa niêm yết	4.740.000.000	-	-	4.740.000.000
3. Quyền mua cổ phiếu	-	1.377.817.350	-	1.377.817.350
4. Trái phiếu (*)	55.391.082.192	-	-	55.391.082.192
	<b>439.544.589.330</b>	<b>2.517.175.417</b>	<b>(175.188.285.605)</b>	<b>266.873.479.142</b>
5. Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	489.850.600.000	-	-	489.850.600.000
	<b>489.850.600.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>489.850.600.000</b>
	<b>929.395.189.330</b>	<b>2.517.175.417</b>	<b>(175.188.285.605)</b>	<b>756.724.079.142</b>

(\*) Danh mục trái phiếu bao gồm trái phiếu Vinashin với kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào năm 2017. Các thành viên góp vốn của Quỹ đánh giá tổ chức phát hành Vinashin đang gặp khó khăn về tình hình tài chính và đã thống nhất về việc suy giảm giá trị của trái phiếu Vinashin và cho rằng Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thanh toán trái phiếu trước thời điểm đóng Quỹ vào tháng 07 năm 2014.

Tuy nhiên do thiếu các thông tin đáng tin cậy có sẵn trên thị trường và thiếu các thông tin có thể ứng dụng để xây dựng các mô hình định giá phù hợp để đánh giá giá trị thu hồi của khoản trái phiếu này nên khoản trái phiếu này được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính, phù hợp với chính sách kế toán hiện hành và Điều lệ của Quỹ.

**4.3 Phải thu từ hoạt động đầu tư**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
1. Cổ tức phải thu	823.136.000	2.626.380.000
2. Lãi trái phiếu phải thu(*)	-	3.675.000.000
3. Lãi tiền gửi phải thu	26.728.852.088	6.148.870.934
	<b>27.551.988.088</b>	<b>12.450.250.934</b>

(\*) Lãi trái phiếu phải thu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là lãi coupon sau khi trừ đi dự phòng phải thu.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)**

**4.4 Phải trả hoạt động đầu tư**

Các khoản phải trả hoạt động đầu tư thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư vào ba ngày trước khi kết thúc kỳ kế toán, do theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam, việc thanh toán thường được thực hiện sau ba ngày kể từ ngày tiến hành giao dịch.

**4.5 Phải trả Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
1. Phải trả về phí quản lý cho Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	657.245.079	575.321.874
2. Phải trả về phí giám sát và phí lưu ký cho Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	61.781.037	54.080.257
	<b>719.026.116</b>	<b>629.402.131</b>

Theo Điều lệ Quỹ BVF1, công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt được hưởng phí quản lý quỹ hàng năm và phí thường hoạt động. Phí quản lý quỹ được trả hàng tháng và được xác định theo công thức sau:

$$\text{Phí quản lý hàng tháng} = \frac{\text{Giá trị tài sản ròng của quỹ vào cuối tháng} \times \text{tỷ lệ phí}}{12}$$

Tỷ lệ phí quản lý trong năm 2012 là 1,00%.

Phí thường hoạt động chỉ được thanh toán khi phần tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ BVF1 cao hơn mức cơ bản được quy định trong Điều lệ Quỹ BVF1 hàng năm và được Hội đồng Thành viên chấp thuận.

Phí giám sát và phí lưu ký được quy định trong hợp đồng giám sát và các thoả thuận khác. Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) được hưởng phí giám sát và phí lưu ký năm 2012 bằng 0,09% (Trong đó: Phí lưu ký 0,05% không chịu thuế GTGT và phí giám sát 0,04% chịu thuế GTGT 10%) giá trị tài sản ròng của Quỹ BVF1/năm. Ngoài ra Quỹ phải thanh toán phần phí lưu ký trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD) theo biểu phí do VSD quy định.

**4.6 Phải trả khác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Phải trả phí kiểm toán	137.500.000	165.000.000
Phải trả khác	493.700.000	493.700.000
	<b>631.200.000</b>	<b>658.700.000</b>



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)**

**4.7 Vốn góp của thành viên**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Vốn góp đầu năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
<b>Vốn còn lại cuối năm</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000.000</b>

Quỹ có Vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 50.000.000 (năm mươi triệu) đơn vị quỹ cho thành viên với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ. Quỹ được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 800 tỷ đồng Việt Nam theo công văn số 83/UBCK-QLKD ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tương đương với 80.000.000 (tám mươi triệu) đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ. Ngày 22 tháng 01 năm 2008, Đại hội thành viên quyết định tăng vốn điều lệ quỹ từ 800 tỷ lên 1.000 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 100.000.000 (một trăm triệu) đơn vị quỹ cho thành viên với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt theo công văn số 98/TB-UBCK ngày 04 tháng 03 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi các thành viên cụ thể như sau:

Thành viên	Vốn góp VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tập đoàn Bảo Việt	94.190.239.694	9.419.024	9,42
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	601.214.295.907	60.121.430	60,12
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	220.445.241.834	22.044.524	22,04
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	40.080.953.060	4.008.095	4,01
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine	14.008.554.708	1.400.855	1,40
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng	30.060.714.797	3.006.072	3,01
	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100</b>

**4.8 Lỗ mua bán chứng khoán**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Thu nhập từ bán chứng khoán	5.298.404.665	4.519.096.280
Lỗ do bán chứng khoán	(72.512.978.061)	(136.810.449.916)
<b>Lỗ mua bán chứng khoán</b>	<b>(67.214.573.396)</b>	<b>(132.291.353.636)</b>

**4.9 Phí và chi phí khác**

Phí và chi phí khác bao gồm chi phí hợp đồng mua bán lại (repo), lệ phí ngân hàng, phí chuyển tiền và phụ cấp Ban Đại diện Quỹ.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)**

**4.10 Các nghiệp vụ với các bên liên quan**

Chi tiết nghiệp vụ với các bên liên quan trong năm như sau:

**Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát**

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Quý có số dư tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Giám sát là 7.874.010.367 đồng Việt Nam (31 tháng 12 năm 2011: 429.969.532 đồng Việt Nam).

**Phải trả các bên liên quan**

	Số dư đầu năm VNĐ	Phát sinh trong năm VNĐ	Thực trả trong năm VNĐ	Số dư cuối năm VNĐ
1. Phải trả phí quản lý cho Công ty Quản lý Quỹ	575.321.874	7.670.199.297	7.588.276.092	657.245.079
2. Phải trả phí giám sát và lưu ký cho Ngân hàng Giám sát	54.080.257	839.342.451	831.641.671	61.781.037
3. Phải trả phụ cấp Ban Đại diện	147.000.000	294.000.000	294.000.000	147.000.000

Phụ cấp cho Ban Đại diện Quý cho giai đoạn 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 294.000.000 đồng Việt Nam và được hạch toán như chi phí của Quý. Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quý và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quý là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quý có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
<b>I</b>	<b>Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư</b>		
1	Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng giá trị tài sản	33,69%	47,00%
2	Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng giá trị tài sản	26,52%	38,93%
2.1	Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng giá trị tài sản	25,92%	38,24%
2.2	Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết/Tổng giá trị tài sản	0,60%	0,69%
3	Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng giá trị tài sản	6,99%	8,07%
4	Tỷ lệ các loại chứng khoán khác/Tổng giá trị tài sản	0,17%	0,00%
5	Tỷ lệ tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn/Tổng giá trị tài sản	62,83%	51,19%
6	Tỷ lệ thu nhập (đã thực hiện và chưa thực hiện)/ Tổng giá trị tài sản	21,67%	0,42%
7	Tỷ lệ chi phí (đã thực hiện và chưa thực hiện)/ Tổng giá trị tài sản	8,30%	31,29%
<b>II</b>	<b>Các chỉ số thị trường</b>		
1	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	100.000.000	100.000.000
2	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên Công ty Quản lý Quỹ và những người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ cuối kỳ	0%	0%
3	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	100%	100%
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài	0%	0%
5	Tỷ lệ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ so với giá trị tài sản ròng cuối kỳ	0%	0%
6	Số người nắm giữ chứng chỉ quỹ	6	6
7	Giá trị của một đơn vị quỹ cuối kỳ	7.907	6.848

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 6. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Trong hoạt động kinh doanh, Quỹ phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Do vậy, Ban đại diện Quỹ nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro này như sau:

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro này do thay đổi lãi suất trên thị trường ảnh hưởng đến kết quả đầu tư đối với các khoản tiền gửi ngắn hạn. Tuy nhiên, đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Theo kế hoạch giải thể Quỹ trình bày trong thuyết minh 1, Quỹ không thực hiện đầu tư mới các hợp đồng tiền gửi nên Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái.

Quỹ không có rủi ro về thay đổi ngoại tệ.

### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Công cụ đánh giá rủi ro mà BVF1 sử dụng là Giá trị rủi ro (Value at risk – VaR) và phân tích kịch bản (scenario analysis). VaR là phương pháp ước tính mức tổn thất tối đa có thể xảy ra trong khoảng thời gian nhất định với mức độ tin cậy cho trước.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

**Rủi ro về giá cổ phiếu (tiếp theo)**

Đơn vị: VNĐ

Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	HOSE	HNX	Tổng
Giá trị sổ sách	272.608.325.356	106.805.181.782	379.413.507.138
Giá trị thị trường	160.118.052.950	46.624.344.000	206.742.396.950
VaR (95%, 1 ngày)	(3.228.229.725)	(1.880.126.700)	(5.108.356.424)
Mức độ giảm VaR (95%)	2.538.737.241	530.008.496	3.068.745.737
VaR (95%, 1 tuần)	N/A	N/A	(11.422.632.218)
VaR (95%, 1 tháng)	N/A	N/A	(22.845.264.436)
VaR (95%, 1 năm)	N/A	N/A	(81.092.644.242)

Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	HOSE	HNX	Tổng
Giá trị sổ sách	372.829.645.977	168.869.337.239	541.698.983.216
Giá trị thị trường	184.868.349.000	77.456.218.000	262.324.567.000
VaR (95%, 1 ngày)	(3.055.774.734)	(2.815.032.694)	(5.870.807.428)
Mức độ giảm VaR (95%)	3.051.582.524	1.498.854.774	4.550.437.298
VaR (95%, 1 tuần)	N/A	N/A	(13.127.524.492)
VaR (95%, 1 tháng)	N/A	N/A	(26.255.048.985)
VaR (95%, 1 năm)	N/A	N/A	(93.196.178.702)

Giá trị rủi ro VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 5,1 tỷ đồng nghĩa là xác suất xảy ra mức tổn thất nhỏ hơn 5,1 tỷ đồng của danh mục cổ phiếu niêm yết trong một ngày là 95% hay xác suất xảy ra mức tổn thất lớn hơn 5,1 tỷ đồng của danh mục cổ phiếu niêm yết trong 1 ngày là 5%.

VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 nhỏ hơn VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là do giá trị thị trường của danh mục cổ phiếu giảm 55,6 tỷ đồng.

Giá trị VaR (95%, 1 ngày) tương đối tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2,5% cao hơn so với VaR (95%, 1 ngày) tương đối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 2,2%.

Phương pháp phân tích kịch bản (scenario analysis) được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến động giá trị hợp lý danh mục cổ phiếu lên kết quả kinh doanh khi đưa ra các kịch bản thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy mức độ ảnh hưởng của biến động danh mục cổ phiếu niêm yết lên kết quả kinh doanh khi chỉ số thị trường hai sàn chứng khoán biến động +/-10%:

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế
<b>31 tháng 12 năm 2012</b>		
Kịch bản 1	+10%	20.536.457.960
Kịch bản 2	-10%	(20.536.457.960)
<b>31 tháng 12 năm 2011</b>		
Kịch bản 1	+10%	26.232.456.700
Kịch bản 2	-10%	(26.232.456.700)

